TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 11 năm 2019
(*V/v:Tranh chấp Hôn nhân và gia đình)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Điêu Thị Bích Lượt**;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Tiến Dũng**
2/ Ông **Trần Đức Hùng**

*Thư ký phiên tòa***:** Ông **Lê Đức Xiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thúy Hằng** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1994
Trú tại: Khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh P.
Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1991
Trú tại: Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh P.
(Chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Văn T kết hôn ngày 08/9/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh T đã sống ly thân và hiện nay không ai còn

quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết cho chị ly hôn anh Toàn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 07/3/2013. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu L. Hiện nay cháu L đang sống cùng với chị ở nhà mẹ đẻ của chị tại: Khu 6, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; chị T làm công nhân tại Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Thu nhập hàng tháng ổn định, nên chị đủ điều kiện để đảm bảo cho cháu L một cuộc sống đầy đủ; còn anh T từ lâu đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, chị và gia đình bố mẹ đẻ anh T cũng không nắm được cụ thể anh T làm công việc gì, thu nhập hàng tháng ra sao nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Trần Văn T: Quá trình giải quyết Tòa án nhân huyện Lâm Thao đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, báo anh T đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc, nhưng anh T cố tình không đến Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn T, trú tại: Khu 1, xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T, được bà Quản Thị L là mẹ đẻ anh T cho biết anh T hiện nay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về và thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho anh T thông qua mẹ đẻ anh T là bà L. Bà L nhận thay và cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo hoặc chuyển cho anh T. Tuy nhiên, anh T đều không đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc. Như vậy là anh T cố tình không hợp tác, việc anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa làm việc có nghĩa là anh T từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Xem xét quan hệ hôn nhân chị T và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T, anh T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị T và các tài liệu chứng cứ Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của chị T và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gì đến cuộc sống chung của vợ chồng. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa, không liên lạc, hỏi han gì đến chị T và con chung. Quá trình xác minh tại gia đình anh T, bà Quản Thị L cho biết chị T đã cùng với con chung là cháu L bỏ về nhà mẹ đẻ chị T sinh sống từ năm 2016, còn anh T thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Mặc dù, Tòa án không lấy được lời khai của anh Toàn nhưng xét thấy thực tế chị T và anh T đã sống ly thân kể từ năm 2016, hai người không còn quan tâm đến nhau, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định cho chị T ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 07/3/2013; để cháu L ổn định cuộc sống chị T xin nuôi cháu L. Chị T hiện đang làm công nhân tại Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, thu nhập hàng tháng ổn định nên chị đủ điều kiện để đảm bảo cho cháu L một cuộc sống đầy đủ; còn anh T đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, hiện không rõ thu nhập hàng tháng của anh T ra sao nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, đề nghị của chị T là phù hợp với pháp luật, đảm bảo cho cháu L có cuộc sống tốt sau khi chị T, anh T ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 07/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu thành niên. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đó là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung, công nợ, công sức.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử:

Cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 07/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Thảo.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu L không ai được ngăn cấm.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luất Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 07/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Xác nhận chị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002507 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án đ ược giao cho họ hoặc được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Lâm Thao*
- *CQ THA dân sự HLT*
- *Đương sự*
- *UBND xã Thạch Sơn, H. Lâm Thao*
- *Lưu HS vụ án*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Điêu Thị Bích Lượt